TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/DS-ST
Ngày 13 tháng 3 năm 2026
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Tuấn Kiệt**

Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Trần Mỹ Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 279/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản*"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S1 tiền có ngay

Trụ sở chính: Số A, N, phường T, tỉnh Nghệ An (Địa chỉ cũ: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần S1 Có Ngay.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Kha M, sinh ngày 12/4/1990 – Nhân viên Công ty

Địa chỉ liên lạc: Ấp P, xã V, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ cũ: Ấp P, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu) (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Đồng Đ, sinh ngày 04/01/1998;

Địa chỉ: Số E, khóm B, phường H, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ cũ: Số E, khóm B, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S1 Có Ngay trình bày:

Công ty Cổ phần S1 có ngay có ký hợp đồng cầm cố tài sản ngày 10/12/2024 với ông Trần Đồng Đ. Theo hợp đồng thể hiện với số tiền cầm cố tài sản là 20.372.340 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng, mục đích cầm cố phục vụ tiêu dùng cá nhân, ngày thanh toán định kỳ là 10 tây, lãi suất cầm cố 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí quản lý hồ sơ là 0,5%/ tháng, phí phạt vi phạm không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng.

Tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1-831.44, loại xe HONDA Click thái, màu trắng xám đen, số khung: MLHJF3502K5589519, số máy: JF35E0189519, số giấy chứng nhận đăng ký xe 083540 do công an tỉnh B cấp ngày 22/02/2019.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 10/12/2024 ông Trần Đông Đ1 có đơn gửi Công ty Cổ phần S1 tiền có ngay xin thuue lại xe và cam kết theo nội dung giấy thuue xe.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Đông Đ1 đã thanh toán cho Công ty Cổ phần S1 tiền có ngay với số tiền 7.820.000 đồng (trong đó số tiền gốc 4.512.357 đồng, tiền lãi 431.104 đồng, tiền phí 2.876.539 đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đại đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, đã chuyển sang nợ quá hạn

Tính đến ngày 12/3/2026, ông Đ1 còn nợ Công ty số tiền là 17.994.208 đồng, trong đó, số tiền vốn gốc là 15.859.983 đồng, số tiền lãi trong hạn là 2.134.225 đồng.

Công ty Cổ phần S1 tiền có ngay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

Ông Trần Đồng Đ phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 12/3/2026 là 17.994.208 đồng, trong đó, số tiền vốn gốc là 15.859.983 đồng, số tiền lãi trong hạn là 2.134.225 đồng. Ngoài ra, ông Trần

Đồng Đ còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo Hợp đồng cầm cố kể từ ngày tiếp theo của ngày 12/3/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với các yêu cầu khác theo đơn khởi kiện, Công ty Cổ phần S1 Có Ngay xin rút lại.

Bị đơn ông Trần Đồng Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay đối với ông Trần Đồng Đ về việc yêu cầu trả số tiền số tiền vốn gốc là 15.859.983 đồng, số tiền lãi trong hạn là 2.134.225 đồng tính đến ngày 12/3/2026 và kể từ ngày tiếp theo của ngày 12/3/2026 ông Trần Đồng Đ còn phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Đình chỉ đối với yêu cầu đã rút về tiền phí của nguyên đơn.

Ông Trần Đồng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào ý kiến của các đương sự; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Công ty Cổ phần S1 Có Ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Đồng Đ trả số nợ gốc và lãi theo hợp đồng cầm cố tài sản, trả lại tài sản theo hợp đồng thuê tài sản nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng thuê tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Đồng Đ có nơi cư trú tại phường B, tỉnh Cà Mau. Do đó vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện:

[4.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần S1 Có Ngay rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả lại cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Click thái, biển số 94K1-831.44, Giấy chứng nhận đăng ký số 083540 do Công an tỉnh B cấp ngày 22/02/2019; phí quản lý hồ sơ là 843.222 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.268.799 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi thuê xe là 11.697.798 đồng, chi phí tố tụng; tiền phí phát sinh tính từ sau ngày 13/3/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp ông Trần Đồng Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Công ty Cổ phần S1 Có Ngay có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo là xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Click thái, biển số 94K1-831.44, Giấy chứng nhận đăng ký số 083540 do Công an tỉnh B cấp ngày 22/02/2019 để thu hồi nợ cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay.

[4.2] Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút nêu trên của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay.

[4.3] Công ty Cổ phần S1 Có Ngay không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[5.1] Công ty Cổ phần S1 Có Ngay có ký hợp đồng cầm cố tài sản ngày 10/12/2024 với ông Trần Đồng Đ. Theo hợp đồng thể hiện với số tiền cầm cố tài sản là 20.372.340 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng, mục đích cầm cố phục vụ tiêu dùng cá nhân, ngày thanh toán định kỳ là 10 tây, lãi suất cầm cố 1.1%/tháng. Tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1-831.44, loại xe HONDA Click thái, màu trắng xám đen, số khung: MLHJF3502K5589519, số máy: JF35E0189519, số giấy chứng nhận đăng ký xe 083540 do công an tỉnh B cấp ngày 22/02/2019.

[5.2] Căn cứ khoản 1 Điều 310 Bộ luật Dân sự, hợp đồng cầm cố tài sản có hiệu lực từ thời điểm giao kết, việc cầm cố tài sản giữa Công ty Cổ phần S1 Có Ngay và ông Trần Đồng Đ là phù hợp quy định pháp luật.

[5.3] Căn cứ theo hợp đồng ký ngày 10/12/2024, có căn cứ xác định Công ty Cổ phần S1 Có Ngay đã giao cho ông Trần Đồng Đại S tiền 20.372.340 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1,1%/ tháng.

[5.4] Công ty Cổ phần S1 Có Ngay xác định từ ngày nhận tiền đến nay ông Đ đã thanh toán số tiền 7.820.000 đồng, trong đó, số tiền gốc 4.512.357 đồng, tiền lãi 431.104 đồng, tiền phí 2.876.539 đồng. Ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký ngày 10/12/2024. Tính đến ngày 12/3/2026, ông Đ còn nợ Công ty số tiền là 17.994.208 đồng, trong đó, số tiền vốn gốc là 15.859.983 đồng, số tiền lãi trong hạn là 2.134.225 đồng.

[5.5] Ông Trần Đồng Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào thể hiện có trả đủ tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay.

[5.6] Do đó, Công ty Cổ phần S1 Có Ngay yêu cầu ông Đ trả số tiền còn nợ tính đến ngày 12/3/2026 là 17.994.208 đồng (trong đó, số tiền vốn gốc là 15.859.983 đồng, số tiền lãi trong hạn là 2.134.225 đồng) và còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cầm cố đã ký tính kể từ ngày 12/3/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ, xét thấy là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Trần Đồng Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Điều 166; khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 309; Điều 310 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay đối với ông Trần Đồng Đ.

2. Buộc ông Trần Đồng Đ có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay số tiền còn nợ tính đến ngày 12/3/2026 là 17.994.208 đồng. Trong đó, số tiền vốn gốc là 15.859.983 đồng, số tiền lãi trong hạn là 2.134.225 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 12/3/2026 ông Trần Đồng Đ còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố ngày 10/12/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay đối với ông Trần Đồng Đ về yêu cầu trả lại cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Click thái, biển số 94K1-831.44, Giấy chứng nhận đăng ký số 083540 do Công an tỉnh B cấp ngày 22/02/2019; phí quản lý hồ sơ là 843.222 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.268.799 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi thuê xe là 11.697.798 đồng, chi phí tố tụng; tiền phí phát sinh tính từ sau ngày 12/3/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp ông Trần Đồng Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Công ty Cổ phần S1 Có Ngay có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo là xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Click thái, biển số 94K1-831.44, Giấy chứng nhận đăng ký số 083540 do Công an tỉnh B cấp ngày 22/02/2019 để thu hồi nợ cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay.

4. Về án phí: Ông Trần Đồng Đ phải chịu 899.710 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Công ty Cổ phần S1 Có Ngay không phải chịu án phí. Công ty Cổ phần S1 Có Ngay đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 707.000 đồng theo biên lai số 0003519 ngày 29 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh C được hoàn lại toàn bộ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Lam

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.